

Khai thác, phát huy mạnh nguồn vốn trong nước là một đề tài liên quan đến chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước (phát triển từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia) cho nên đã có rất nhiều đề xuất về vấn đề này, thậm chí đã được áp dụng liên tục trong nhiều năm. Qua kinh nghiệm thực tế, đã có thể lọc ra một số đề xuất ít có hiệu quả để giữ lại những đề xuất có hiệu quả cao.

I. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC

1. Thứ nhất là muốn huy động nhiều vốn trong nước, nên ấn định và duy trì lãi suất cao để hấp dẫn người gửi. Trên thực tế thì việc tăng lãi suất rất hấp dẫn đối với người có vốn nhàn rỗi, và đưa đến kết quả là tăng ngay số vốn được huy động. Tuy nhiên, thực tế chứng tỏ rằng có một số năm, ngân hàng đã áp dụng phương pháp này, hoặc một số doanh nghiệp hay tư nhân đã vay với lãi suất cao đều đưa đến kết quả không tốt. Lý do là việc tăng lãi suất tiết kiệm luôn kèm theo việc tăng lãi suất cho vay, khiến cho doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp giảm hẳn, giá thành sản xuất tăng vọt, làm cho các doanh nghiệp phải vay tiền lâm vào tình cảnh tài chính rất khó khăn, ngay cả các doanh nghiệp có



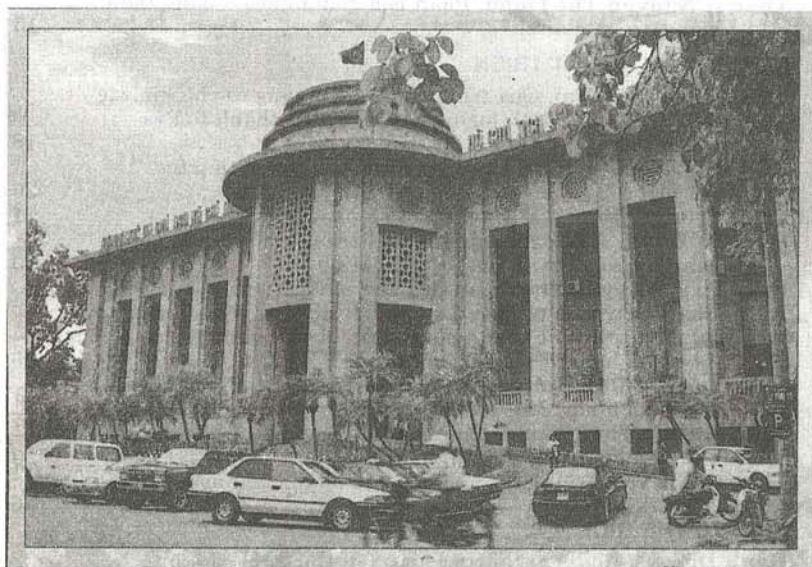
hiệu quả kinh tế khá cũng bị dồn vào cảnh phá sản. Một số doanh nghiệp và tư nhân đã áp dụng phương pháp vay nợ mới để trả nợ cũ, sẵn sàng vay với bất cứ lãi suất nào, như đến 14 - 12 - 10% một tháng, hay 6 - 4 - 3% một tháng cũng cứ vay tràn...Người gửi tiền tiết kiệm thấy lãi suất quá hấp dẫn nên đã vét hết tiền tiết kiệm của mình giao cho người đi vay, vì người đi vay trả lời rất sòng phẳng, thậm chí còn trả trước. Tất cả các vụ việc "đầu tư" trên đây đều đưa đến kết quả bị quan, sau một thời gian, người vay sẽ không trả nổi lãi suất quá cao, phải phá sản (nếu họ là những người sòng phẳng), đó là chưa kể người vay quyết tâm lừa, sau khi vay được một số tiền lớn, sẽ tiêu dùng rất sang, rồi tìm cách chuyển thành vàng hay ngoại tệ, sau đó trốn luôn ra nước ngoài (như vụ Trần Xuân Hoa). Một số các doanh nghiệp quốc doanh, do

KHAI THÁC, PHÁT HUY MẠNH NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC

TS. LÊ KHOA

lợi nhuận thấp hơn lãi suất ngân hàng, đã không trả được vốn và lãi đủ, cũng bắt buộc phải áp dụng phương pháp "vay nợ mới trả nợ và lãi cũ", dẫn đến mất hết khả năng thanh toán: năm 1997 có 30% DNNN kinh doanh lỗ, năm 1998 tỷ lệ này tăng đến 40%. Từ 12.000 vào các năm 90, nay chỉ còn có 5.000 DNNN, 40% kinh doanh lỗ, tình hình này được giải thích bằng một số

nguyên nhân, nhưng theo thiên ý nguyên nhân quan trọng nhất là lãi suất cao (từ 14%/tháng dẫn đến sụt xuống đến nay vẫn trên 1,1%, cao gấp nhiều lần lãi suất của Nhật, hiện nay là 2%/năm, tỷ lệ vốn vay gấp 10 đến trên 20 lần vốn riêng, trong khi đó lại thiếu chính sách bảo vệ hàng nội) là chính, các yếu tố khác như sự quản lý kém của một số giám đốc DNQD, trong đó có cả sự tham ô, theo thiên ý, chỉ đóng vai trò thứ yếu và chỉ là hành động của một số ít vị giám đốc, vì DNNN có sự quản lý của Đảng và Nhà nước, của công đoàn, các đoàn thể và hầu hết các vị giám đốc đều là đảng viên và chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước. Thí dụ như Liên hiệp Dầu tằm đã vay vốn ngân hàng ngân hàng và đầu tư phát triển rất tốt ngành trồng dâu các năm 90, nhưng do lãi suất ngân hàng quá cao,



vào thời điểm đó (14% - 7% tháng), nên phải làm vào cảnh lỗ vốn nặng, ngoài ra không có một lý do yếu kém nào về kỹ thuật, quản lý nhân viên hay tham ô: tất cả số tiền vay đều dùng xây dựng rất nhiều nhà máy và vào việc phát triển ngành dầu tằm.

Nhà kinh tế học Keynes, đã có ý kiến rằng doanh nhân luôn so sánh lãi suất ngân hàng với lợi nhuận mong chờ, hoặc có thể thực hiện được. Nếu lãi suất thấp hơn lợi nhuận, các doanh nhân đứng đắn mới dám vay tiền. Bằng không, sẽ có ngày phá sản và có trát tòa án mời! Ý kiến của Keynes rất phù hợp với Marx, cho rằng lãi suất là một thành phần của giá trị thặng dư, qua lãi suất, các nhà tư bản tài chính thực hiện việc bóc lột lao động. Bằng cách hạ lãi suất, ngân hàng các nước XHCN làm được một công hai việc: vừa khuyến khích doanh nhân vay tiền tăng gia sản xuất, chống đình trệ, vừa thực hiện công bằng xã hội.

Cũng có ý kiến rằng thực tế phức tạp hơn việc đơn giản hóa các vấn đề như trên. Nếu không tăng lãi suất thì ngân hàng lấy tiền ở đâu mà cho doanh nhân vay? Ngân hàng nếu...in tiền để cho vay sẽ gây lạm phát nặng. Do đó, dù sao chăng nữa, ở những nước ít vốn như VN, ngân hàng cũng phải áp dụng một lãi suất vừa phải, một là để tăng số vốn huy động thêm, thứ hai là khuyến khích những người có tiền gửi vào ngân hàng, thứ ba là để chống lạm phát. Chính vì vậy mà hiện nay ở VN lãi suất ngân hàng vẫn cao nhiều hơn so với lãi suất ở nước ngoài, như ở Nhật áp dụng lãi suất 2 - 5% năm, còn ta áp dụng lãi suất 1,1% tháng.

Tới đây, có ý kiến là tại sao Nhật áp dụng lãi suất thấp như trên mà vẫn thu được nhiều tiền gửi vào ngân hàng và không hề thiếu tiền cho các doanh nhân Nhật vay? Lý do là ở Nhật, có một cơ chế buộc mọi người phải gửi tiền vào ngân hàng: thí dụ (a) các doanh nghiệp không trả lương công nhân bằng tiền mặt mà chỉ chuyển tiền lương của công nhân viên vào tài khoản của họ ở ngân hàng (do đó mỗi công nhân đều phải mở tài khoản ngân hàng), (b) các thanh toán lớn bắt buộc phải thực hiện bằng séc, nếu không phải đóng tiền con niêm nặng, (c) thanh toán bằng USD, vàng không được chấp nhận, nên bắt buộc phải dùng tiền nội, (d) mua hàng phải thanh toán bằng séc, sẽ hưởng giá rẻ hơn trả bằng tiền mặt, (e) nếu phát hành séc không bảo chứng lập tức sẽ bị tù (trái với VN, séc không tiền bảo chứng bị xử lý nhẹ nhàng hơn nhiều), (g) tư nhân không được phép cầm đồ, cho vay, tổ chức chơi hụi, nên người có tiền bắt buộc phải gửi tiền vào ngân hàng, giữ tiền mặt vừa phiền phức

vừa không có lãi, dù là 0,1% năm chẳng nữa. Ở VN, nếu cấm tổ chức chơi hụi (hiện nay, Quốc hội đã ngưng không xử lý các đơn thưa các vụ việc giết hụi), cấm tư nhân cho vay, các thanh toán trên 1 triệu đồng phải thực hiện bằng séc, nếu không phải đóng tiền con niêm nặng, thanh toán bằng USD, vàng trong nội bộ VN không được chấp nhận, nếu séc không tiền bảo chứng sẽ bị xử lý rất nghiêm và ngay lập tức, công nhân phải mở tài khoản ngân hàng và các doanh nghiệp chuyển lương cho công nhân vào ngân hàng thay vì mỗi doanh nghiệp tổ chức phát lương cho công nhân v.v...ngân hàng lập tức sẽ thu được nhiều tiền và có khả năng hạ dần lãi suất ngân hàng. Như vậy, ngân hàng không cần tăng lãi suất tiết kiệm và lãi suất cho vay. Ngoài ra, nếu còn thiếu tiền nữa để cho vay thì cứ...in thêm giấy bạc, vì Keynes viết, tốt nhất là nên có một đồng tiền từ từ mất giá thì kinh tế sẽ phồn vinh, vì mọi người sẽ tung tiền để đầu tư, tiêu dùng khiến cho kinh tế phồn vinh trở lại. Ở VN, đã xuất hiện những tháng giá cả có khuynh hướng âm thay vì dương, trong các tháng này, các doanh nhân kêu trời như bọng, chứng tỏ rằng giảm phát hay "tiền tệ ổn định" nguy hiểm hơn nhiều lạm phát có chừng mực. Vậy, những thời gian giá cả khuynh hướng âm, hoặc tăng ít, chính là những lúc ngân hàng rất nên tung tiền để ứng cho nhà gấu hổ thì hành các chương trình đại đầu tư, tăng gia sản xuất. Tuy nhiên, lý luận trên đây chưa được ngân hàng áp dụng và vấp phải rất nhiều đề dặt. Dù sao chăng nữa, khi doanh nhân các nước ngoài được vay với lãi suất 2 - 5 - 6% năm, trong khi doanh nhân VN phải vay với lãi suất cao hơn gấp bội lần, thì đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho nhiều mặt hàng sản xuất ở VN lại có giá thành cao hơn so với giá sản xuất nước ngoài. Do đó, chúng tôi kiến nghị ngân hàng nên nghiên cứu và cho áp dụng các biện pháp để hạ dần lãi suất ngân hàng trong khi vẫn đảm bảo được việc huy động vốn tiết kiệm nhiều hơn hiện nay.

2. Thứ hai là nếu muốn khai thác, huy động vốn và sử dụng có hiệu quả vốn trong nước cần phải lưu tâm đến việc cho vay để đầu tư, tăng gia sản xuất và tăng cường công tác kiểm soát cán bộ phụ trách các phòng tín dụng tại các ngân hàng. Chúng tôi có đến viếng nhiều ngân hàng, hợp tác xã tín dụng, thì thấy thông thường các cơ quan này hoàn toàn không lưu tâm đến việc khách hàng vay tiền để làm gì: rút tiền ngân hàng để cho vay lại với lãi suất cao hơn, vay tiền để đầu cơ, tỵ như mua đất mua nhà chờ giá lên sẽ bán, vay tiền để tiêu dùng

xa xỉ, vay nợ mới để trả nợ cũ v.v... mà chỉ chú ý đến việc người vay có tài sản đủ để bảo đảm số tiền vay hay không, nếu đủ đảm bảo, ngân hàng lập tức cho vay. Những phòng tín dụng này tương đối...đang hoang, nhưng cũng đã xây ra trường hợp người vay phải có quà biếu cho các người xét đơn cho vay, và số quà nhiều thì tiền cho vay càng tăng, như Tamexco, Minh Phụng, Epco, May Sài Gòn Q3, dù đương sự có một cái nhà duy nhất đem cầm cho 2 - 3 nơi cũng vẫn vay được tiền hoặc chỉ cần những tài sản ma đem cầm cố cũng được vay hàng nhiều ngàn tỷ đồng...Các vụ việc này đã được tòa thụ lý, và ngân hàng cũng đã có biện pháp phòng ngừa, song vẫn cần phải liên tục theo dõi, nếu lợi là một chút sẽ xảy ra trường hợp người xét đơn cho vay thông đồng với người đi vay "lừa" ngân hàng. Thật ra, một khi ngân hàng làm việc nghiêm thì không ai lừa được ngân hàng, vì ngân hàng có nguyên tắc và có biện pháp "nằm đẳng chuỗi" nên rất ít khi bị mất tiền nếu không phạm sai lầm nghiêm trọng.

3. Ở trên đã nói rất ít khi ngân hàng bị "lừa", tuy nhiên việc này cũng đã xảy ra nhiều lần. *Thời báo Ngân hàng* đã viết những bài rất đáng lưu ý về kỹ thuật lừa của một số khách hàng: một vị "dại tía" đem một bằng khoán nhà đất rộng 700m² đến xin vay một số tiền hàng nhiều trăm triệu đồng, cán bộ ngân hàng đã phát giác rằng diện tích thật sự chỉ có 70m² nhưng được thêm 1 số zêro ở sau, hoặc một số khách nước ngoài đến bàn với ngân hàng những phí vụ có hàng xuất khẩu đã được người nước ngoài đặt mua, hàng là những tác phẩm nghệ thuật, trị giá rất cao, cần có tiền ứng trước để mua hàng "đã được người nước ngoài đặt mua với giá cao". Tiền giao cho khách là tiền thật, nhưng hàng dùng để bán, khi xét lại, chỉ là các tranh hoành toàn không có giá trị nào...Kỹ thuật "lừa" trên đây khá tinh vi vì có hàng thật, và có giấy hỏi mua của người nước ngoài (nhưng chưa có L/C của một ngân hàng nước ngoài có uy tín, mà chỉ có L/C của một ngân hàng ma...). Kỹ thuật lừa này tinh vi hơn vụ Trần Xuân Hoa hay một số vụ việc khác chỉ cần...một bao bì urê của Liên Xô cũ trước đây cũng có thể đem bán hàng trăm bao urê ma và thành công lấy tiền trước, giao hàng sau, hoặc chỉ có ít hàng trong kho, đã cầm thế mà cũng thành công đem bán và lấy tiền trước của rất nhiều cơ quan xí nghiệp...Các kinh nghiệm trên cho thấy các cán bộ ngân hàng ở các phòng tín dụng phải được huấn luyện vừa về kỹ thuật xét các dự án đầu tư và đơn xin vay tiền; vừa về các thủ

tục cho vay, cách kiểm soát các tài sản được đem thế chấp; vừa phải kiểm tra họ luôn về mặt đạo đức thì mới đảm bảo được hiệu quả của việc "phát huy mạnh, sử dụng tốt nguồn vốn trong nước".

II. PHÁT HUY MẠNH, SỬ DỤNG TỐT VỐN TRONG NƯỚC

Qua trên, chúng tôi kiến nghị chính sách huy động vốn có hiệu quả nhất là lãi suất ngân hàng thấp (để tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nhân, các doanh nghiệp VN đối với các doanh nghiệp nước ngoài) và các biện pháp gián tiếp buộc người dân phải đem tiền gửi vào ngân hàng như các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước trả lương bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của công nhân, các thanh toán lớn phải bắt buộc thực hiện bằng séc - séc không có tiền bảo chứng người phát séc bị xử lý nghiêm - mua hàng, đến phòng công chứng làm giấy mua nhà đất v.v... phải đính kèm séc thanh toán tiền ghi trên giao kèo v.v...cấm sử dụng câu "thanh toán bằng bạc mặt" nếu trên 1 triệu đồng v.v...tự nhiên ngân hàng sẽ huy động được nhiều vốn nội và có khả năng cho vay với lãi suất thấp. Ngoài ra, trong thời gian kinh tế đình trệ, ngân hàng cũng nên tung tiền lạm phát để tài trợ đại đầu tư. Cái lỗi trong vấn đề sử dụng tốt nguồn vốn trong nước là đơn xin vay tiền phải được xét, theo *Thời báo Ngân hàng*: "có dự án tốt, thì sẽ được vay tiền, tiền cho vay được tập trung cho đầu tư và tăng gia sản xuất". Như vậy, ngân hàng đã có chủ trương cho vay đúng, các chữ ngăn gợn trên đây rất hợp lý: miễn là người vay tiền kinh doanh đúng đắn, có dự án hợp với kế hoạch phát triển kinh tế của nhà nước, sẽ được ngân hàng giúp đỡ tận tình. Thí dụ, ngân hàng đã cấp đủ vốn để các cơ quan thu mua gạo xuất khẩu có đủ tiền mua lúa, mua diều của nông dân, khiến cho những hàng này được giá, nông dân năm 1998 trồng diều, trồng lúa không bị cạnh bỏ vốn trống, mà khi được mùa phải bán lúa, bán diều với giá rất thấp, do người thu mua thiếu vốn thu mua. Ngân hàng cũng có kế hoạch tài trợ cho việc đánh cá xa bờ, lập nhiều nhà máy đường và ứng tiền cho các nhà máy mua mía của nông dân, khiến cho nông dân không còn than phiền trồng mía tốt mà không bán được cho nhà máy với giá cao. Những chuyển biến mới trên đây của ngân hàng rất đáng để cao, cũng như trong năm 1998, đã không thấy còn xảy ra các vụ việc lớn như Tamexco, Epeco, Minh Phụng v.v...

Trong bất cứ dự án đầu tư nào, cũng có phần chi để mua sắm, lắp ráp các dàn máy mới. Trong mọi trường hợp, nên chọn những dàn máy mới,

có khả năng sản xuất những mặt hàng mới, tốt, giá thành rẻ sẽ tránh được việc làm ra sản phẩm chất đầy kho không bán được. Lý do hàng lỗi thời, xấu, giá cả quá cao. Tiếp theo, máy và nguyên liệu được mua trong nước, trả bằng tiền VN hay vàng tiền ngoại? Đây là một vấn đề chưa được sự quan tâm của nhiều quan chức trong ngân hàng, các uỷ ban nhân dân tỉnh hay các cơ quan kế hoạch đầu tư. Nếu máy móc và nguyên liệu được sản xuất trong nước, thì chỉ cần cho vay 100% hay một bách phân khá cao bằng tiền VN là đủ để thực hiện dự án. Còn nếu máy móc và vật tư cần thiết được mua ở nước ngoài, sẽ phải cho vay bằng ngoại tệ, hoặc 100%, hoặc một phần lớn bằng ngoại tệ, như vậy là huy động vốn nước ngoài chứ không phải huy động vốn nội là để tài đang được nghiên cứu.

Xét như vậy, thì hiệu quả của hoạt động ngân hàng và chính sách tiền tệ ngân hàng có liên quan hữu cơ với chính sách phát triển ưu tiên khu vực sản xuất I (KVSX I) hay khu vực sản xuất các công cụ sản xuất. Mọi người đều rõ Marx phân biệt rất rõ giữa KVSX I, có nhiệm vụ sản xuất các công cụ sản xuất, các máy và KVSX II, có nhiệm vụ sản xuất hàng tiêu dùng. Đây là một trong những viên đá tảng của lý luận Marx - Lenin. Tuy nhiên, điều quan trọng là lý luận trên đây cũng là viên đá tảng của chính sách phát triển nhanh, chính sách huy động vốn nội, nói chung là xương sống của chính sách tiền tệ ngân hàng, chính sách quản lý ngoại tệ, vay nợ quốc tế và thanh toán nợ quốc tế đối với ngân hàng.

Ai cũng biết rằng muốn phát triển nhanh bắt buộc phải tăng gia đầu tư. Nhà kinh tế học Rostow đã xây dựng lý thuyết phát triển của ông trên bách phân Tổng đầu tư/GDP. Nếu đạt được bách phân Tổng đầu tư/GDP 30%, sẽ có thể tiến đến giai đoạn phát khởi tự duy, (tự duy trì đà phát triển, không cần đến sự can thiệp mạnh của nhà nước và ngân hàng), như vậy đã thực hiện được việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. GDP VN năm 1998 được ước là 26,5 tỷ USD, vậy đầu tư phải đạt 30% GDP = 7,95 tỷ USD thì mới đạt được giai đoạn tự phát triển. Các con số công bố cho biết rằng vốn ngoại là FDI: 1 tỷ USD, ODA: 1,4 tỷ USD, cộng chung 2,4 tỷ. Thủ tướng Phan Văn Khải cho biết vốn nước ngoài là 40% của tổng đầu tư, vậy tổng đầu tư VN năm 1998 là 6 tỷ USD, chưa đủ để đạt giai đoạn tự phát khởi và phát triển tự duy do Rostow đề xuất.

Trong môi trường khủng hoảng châu Á hiện nay, thật rất khó thực

hiện được việc tăng huy động vốn ngoại. Vậy để thành công chống khủng hoảng cho VN, tạo công ăn việc làm cho nhân dân, chỉ còn có cách duy nhất là tăng huy động vốn nội và việc này liên quan hữu cơ đến việc thành lập, phát triển mạnh một KVSX I. Nếu có một KVSX I đủ khả năng sản xuất ra hàng loạt máy móc (về vật tư, VN có nguồn nông khoáng sản khá dồi dào), thì chỉ cần tung tiền cho vay bằng tiền VN mà thôi. Mà tiền VN, theo Keynes, trong giai đoạn đình trệ, khi tiền được tung ra để thực hiện các công tác đại đầu tư, nếu gây được tác dụng lạm phát, làm tăng được giá hàng hóa trên thị trường và khiến cho các bà nội trợ thì nhau bỏ tiền mua sắm thì trong giai đoạn đình đốn, lạm phát có lợi chứ không có hại. Lợi nằm ở chỗ hiện nay mãi lực người dân thấp, hàng các doanh nghiệp làm ra không bán chạy, nhân công đang thiếu việc làm. Nếu tung tiền ra tạo công ăn việc làm, thiết lập các nhà máy với máy VN tự chế tạo lấy, làm ra những hàng tiêu dùng với vật tư đã có sẵn trong nước, hiện không bán chạy, như sắt thép, máy cơ khí VN (như Diesel VN), thì cũng như dùng một mũi tên lạm phát, tung tiền VN mà bắn được đến 3, 4, 5 con chim. Con chim thứ nhất có tên là xóa đói giảm nghèo và tạo công ăn việc làm cho hàng triệu công nhân hay nông dân đang bị thất nghiệp trá hình. Thất nghiệp trá hình là một hiện tượng người bán hàng, đang ngồi ở quầy hàng chỉ có rất ít người mua, các cán bộ công nhân viên xem báo trong giờ làm việc, các cán bộ trẻ đầy người ngồi nhấm nháp, còn ở các nước phát triển, trong các giờ làm việc, các nhân viên trong các siêu thị bán hàng không lúc nào có thời gian nghỉ ngơi, các quán cà phê đều vắng người, trên lề đường, mọi người đi chuyển rất nhanh, thường chạy chứ không là đi, còn ở VN các cô thùng thăng đi nếu chạy trên đường sẽ là một việc rất lạ... Vậy việc tung tiền sẽ bắn được con chim thứ nhất có tên chung là tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo và thất nghiệp trá hình. Con chim thứ hai có tên là mãi lực người dân thấp và các doanh nghiệp bán hàng không chạy và đang kêu trời vì nạn ế hàng. Con chim thứ ba có tên là: ngân hàng than phiền không thu được nợ và nhà nước không thu đủ thuế, lý do các doanh nghiệp không bán được hàng nên không có tiền trả nợ hay đóng thuế cho nhà nước v.v...Con chim thứ tư là GDP VN có khả năng 9 - 10 - 12% như Liên Xô trong thời kỳ 1929 - 36 khiến

cho toàn thể thế giới đều ngạc nhiên. Trở lại vấn đề chính là đầu tư phải được thực hiện bằng máy nội, nhà máy xây xong phải dùng vật tư nội thì mới có khả năng phát huy được các tác dụng thừa số nhân, lý do nếu đầu tư được thực hiện bằng máy ngoại, vật tư ngoại thì bắt buộc phải trả bằng tiền ngoại tệ, như vậy vấn đề là huy động vốn ngoại chứ không phải huy động vốn nội, thì rõ ràng rằng việc này nằm ngoài khả năng ngân hàng VN, lý do giản dị là: Ngân hàng nhà nước VN chỉ có quyền in thêm giấy bạc VN chứ không có quyền phát hành tiền USD hay yên Nhật mà phải vay các loại giấy bạc này hoặc yêu cầu các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào VN, điều này rất khó thực hiện trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, huy động vốn nội có lợi là nằm trong tầm tay ngân hàng còn huy động vốn ngoại tùy thuộc nước ngoài hơn là ngân hàng, chính quyền VN. Như vậy, các dự án huy động vốn nội có tính khả thi hơn là các dự án huy động vốn ngoại, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng hiện nay.

Tới đây, chương trình huy động vốn nội cần phải có thêm một số điều kiện bổ túc thì mới thành công. Thứ nhất là phải có chương trình bảo vệ hàng nội thì các hàng làm ra mới có thị trường tiêu thụ. Ta thường thấy các doanh nghiệp sản xuất xe đạp VN, quạt máy VN, giấy VN, thủy tinh, sành sứ khi mới xây dựng xong, tiến hành sản xuất, thì hàng nước ngoài tràn vào, do Bộ thương mại cấp giấy phép nhập khẩu hàng nước ngoài hay trả lời trước Quốc hội rằng: "chưa ngăn chặn được hàng nhập khẩu lậu". Dư luận rất hoan nghênh nhà nước đã đưa ra trước ánh sáng các vụ việc Tân Trường Sanh và Quốc hội đã có ý kiến về việc tạm ngưng việc nhập khẩu các loại hàng chế tạo được ở VN. Vấn đề nằm ở chỗ cần phải đạt được kết quả trên thực tế là ngưng được thực sự việc nhập khẩu các loại hàng đã chế tạo được ở VN và hải quan phải trong sạch hóa được cán bộ của mình thì chính sách huy động vốn nội mới tránh được cái cảnh các nhà máy mới làm ra, như thủy tinh màu ở Đà Nẵng, hay nhà máy Diesel VN, hay giấy Bãi Bằng, Tân Mai lâm vào cảnh sản xuất hàng mà không bán được, trong khi đồng ngoại tệ chảy ra nước ngoài để đem về trong nước những loại hàng đã sản xuất được ở VN (chớ cui về rừng). Còn một là điều kiện cuối cùng, ấy là phải chấp thuận hàng tiêu dùng nội có thể có phẩm chất xấu hay giá cao hơn hàng nhập khẩu. Lý do là công nghiệp VN còn non trẻ, máy móc làm trong nước tất nhiên không tốt bằng nước ngoài, nên việc huy động vốn nội và sản xuất hàng nội có thể đưa

đến việc sản xuất các loại hàng xấu hơn và giá cao hơn hàng nước ngoài. Như mọi người đều rõ, giá mía đường ở VN cao hơn giá đường nhập khẩu khoảng hàng chục USD mỗi tấn đường. Lý do: vì các ruộng mía VN trồng các loại giống mía năng suất thấp, từ ruộng mía đến nhà máy thường đường xa, lại thiếu phương tiện vận tải nên mía đến nhà máy phải mất đến từ 2 đến 7 ngày mà mỗi ngày mía tươi mất đến 4% lượng đường. Nhà máy nước ngoài có khả năng ép đến 100% lượng đường, sử dụng bã mía làm giấy nên có giá thành rẻ hơn nhiều nhà máy nước ta có hiệu suất ép mía như các nhà máy thủ công chỉ đạt 50% lượng đường mía, các nhà máy công nghiệp đạt tỷ lệ khá hơn nhưng bã mía chỉ dùng để đốt lò chứ chưa dùng để làm ra bột giấy như ở nước ngoài. Tất nhiên, chúng ta cũng có thể làm được như họ, như hiện nay chúng ta đã có những loại mía giống có năng suất cao bằng họ, có những ruộng mía được quy hoạch trồng sát bên cạnh các nhà máy đường, song phải có thời gian thì các ruộng mía giống tốt mới thay được 100% các ruộng mía có năng suất thấp và giá thành lúc bấy giờ mới hạ. Mọi người đều biết hiện nay sở dĩ nông dân bán mía được giá cao là do Bộ thương mại không cho nhập khẩu đường từ nước ngoài, nên giá đường ở VN cao hơn giá đường nhập khẩu. Tuy việc này bất lợi cho người tiêu thụ, nhưng có lợi cho người sản xuất. Người tiêu thụ có tính hai mặt: tiêu thụ đối với những loại hàng mà mình phải mua, và sản xuất đối với những mặt hàng mà mình sản xuất ra. Thí dụ: khi người làm ra xe đạp, giấy, máy Diesel v.v... phải mua đường với giá cao, thì những người trồng mía và làm đường có lợi, nhưng khi người trồng mía hay làm đường phải mua xe đạp, giấy, máy Diesel nội, với giá cao, thì người công nhân làm giấy, làm đường, làm máy Diesel có lợi, đồng tiền còn ở VN và tạo công ăn việc làm cho mọi người. Còn nếu như ham cái lợi nhất thời trước mắt mua hàng ngoại mẫu mã đẹp hơn, giá rẻ hơn thì đồng ngoại tệ sẽ chảy ra nước ngoài và nạn thất nghiệp sẽ rất lớn, các doanh nghiệp đều bị dồn vào cảnh phá sản, đến lúc đó người tiêu dùng vốn là thành phần công nhân, các doanh nghiệp cũng kêu trời, giá hàng ngoại nhập tuy có rẻ, hàng có tốt cũng không có tiền mà mua. Suy ra, trong tính 2 mặt, tiêu thụ và sản xuất, thì tính sản xuất quan trọng hơn, vì có sản xuất thì mới có thu nhập. Ngoài ra, chỉ phải tạm thời chấp nhận giá cao và hàng xấu, vì nước ta là một nước có nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sẽ cạnh tranh lẫn nhau và làm ra hàng tốt với

giá rẻ. Do đó, nhà kinh tế Frédéric List đã có ý kiến là các nước đang phát triển phải bảo vệ công nghiệp còn non trẻ - bảo vệ cho các trẻ em mới sinh ra trước sự cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ngoài lớn tuổi, có kinh nghiệm và kỹ thuật cao hơn gấp bội lần.

Tóm lại, muốn chương trình khai thác phát huy mạnh nguồn vốn trong nước thành công, phải có chương trình đồng bộ sau đây:

- Ngân hàng kiến nghị lên chính phủ và Quốc hội ban hành các điều luật và các quyết định nhằm vào việc thu hút tiền vào ngân hàng: cấm tổ chức chơi hụi, cấm tư nhân cho vay tiền, các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp chuyển lương công nhân vào ngân hàng, các thanh toán lớn trên 1 triệu đồng phải thực hiện bằng séc, đặc biệt là các hợp đồng, giao kèo được đưa ra công chứng. Tóm lại trong nước chỉ dùng tiền VN trong thanh toán nội bộ và thanh toán phải thông qua ngân hàng, đặc biệt là việc thanh toán những số tiền lớn.

- Tăng cường kiểm tra các nhân viên cấp cao làm việc các phòng tín dụng, tổ chức các khóa huấn luyện thêm về chuyên môn và triển khai chính sách của ngân hàng đã công bố là có dự án tốt thì có tiền vay, các dự án tốt được hưởng lãi suất ưu tiên.

- Hải quan nên chấn chỉnh lại cung cách làm việc hiện tại của mình, phải xử lý nghiêm hơn các cán bộ phạm pháp chứ không chỉ bằng biện pháp hành chính và thành công trên thực tế ngăn chặn được hàng nhập khẩu lậu. Các tỉnh cũng phải kiểm soát việc bày bán các hàng ngoại nhập lậu hiện được bày bán tự do.

- Bộ thương mại triển khai quyết định của Quốc hội, tạm ngưng nhập khẩu các loại hàng được sản xuất tại VN và tổ chức những tuần lễ bảo vệ hàng VN.

- Trong thời gian đình đốn, nên áp dụng chính sách tung tiền, lãi suất thấp và đại đầu tư của Keynes sẽ khắc phục được đình đốn kinh tế.

- Chương trình khai thác, phát huy mạnh nguồn vốn trong nước phải đi đôi với chương trình phát triển và đẩy mạnh việc sản xuất các máy nội và dùng nguyên liệu, vật tư nội. Phải chấp nhận việc tạm thời tiêu dùng những hàng nội chất lượng xấu và giá đắt hơn hàng ngoại nhập để tạo công ăn việc làm, thị trường cho các doanh nghiệp và công nhân sản xuất hàng nội.

Nếu thiếu một trong các khâu đồng bộ trên đây, sẽ xảy ra cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, và chương trình huy động vốn nội sẽ không thành công ■